

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HSPT

Ngày: 25-4-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các thẩm phán: Ông Lương Tiến Phương.

Ông Cà Văn Păng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Tuấn Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*** Bà Ngôn Thị Hào, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLPT-HS ngày 05/4/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXPT-HS ngày 12/04/2019 đối với bị cáo: Lò Thị B, do có kháng cáo của bị cáo Lò Thị B đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HSST, ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Bị cáo có kháng cáo: **Lò Thị B** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1949; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đội X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lò Văn P (đã chết) và bà Lò Thị C (đã chết); Có chồng là Lò Văn Đ (đã chết) bị cáo có 09 người con, con lớn nhất sinh năm 1966, con nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/11/2018 đến ngày 18/11/2018, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị B: Ông Nguyễn Trần D, Luật sư cộng tác viên của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Người phiên dịch tiếng Thái cho bị cáo Lò Thị B: Ông Cà Văn Q - Sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 15/11/2018 tại nhà của bị cáo Lò Thị B, bị cáo đã mua được của một người dân tộc Thái không biết tên, tuổi, địa chỉ 03 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh với giá 80.000 đồng, mục đích để chữa bệnh cho gia súc. Sau khi mua được 04 viên nén trên, Lò Thị B cho 01 viên vào trong lọ nhựa, 03 viên còn lại đang cầm trên tay phải. Đến 09 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác công huyện Điện Biên thu giữ 03 viên nén, và khám xét thu giữ tiếp 01 viên nén.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận: Số viên nén màu hồng, xanh thu giữ là của bị cáo Lò Thị B. Cân xác định khối lượng được 0,46 gam.

Tại bản kết luận giám định số: 87/GĐ-PC 09, ngày 24/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Mẫu vật thu giữ của bị cáo Lò Thị B gửi đến giám định là chất ma túy loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Thị B là 0,46 gam Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2019/HSST ngày 28/2/2019 của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị B phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Thị B 01 năm 04 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt hoặc tự giác đi thi hành án, được khấu trừ cho bị cáo thời giam tạm giữ 03 ngày.

Ngoài ra bản án còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo. Sau khi tuyên án, ngày 06/3/2019, bị cáo Lò Thị B có đơn kháng cáo cho rằng tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng người, đúng tội đúng quy định của pháp luật, nhưng hiện bản thân bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe yếu, đi lại khó khăn, thường xuyên nằm viện điều trị bệnh người già, bị cáo bị huyết áp cao, không có khả năng tự chăm sóc bản thân nên xin được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa xét xử phúc thẩm: Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lò Thị B về tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải, khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã trên 70 tuổi nên được xem xét áp dụng các điểm o, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nên cần chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo và sửa bản án sơ thẩm:

Tuyên bố bị cáo Lò Thị B phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Thị B 16 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 tháng. Tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lò Thị B cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cùng gia đình giám sát giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc thực hiện thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Bị cáo không phải chịu phí hình sự phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo không có tranh luận gì về tội danh và kết luận của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Hiện bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe yếu, đi lại khó khăn, thường xuyên nằm viện điều trị bệnh người già, huyết áp cao, không có khả năng tự chăm sóc bản thân nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét để chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của Lò Thị B. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung: Sau khi kiểm tra xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai nhận tội của bị cáo ở tại cơ quan Điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Khoảng 7 giờ ngày 15/11/2018 tại nhà của bị cáo Lò Thị B, bị cáo đã mua được của một người dân tộc Thái không biết tên, tuổi, địa chỉ 03 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xanh với giá 80.000 VNĐ mục đích để chữa bệnh cho gia súc. Sau khi mua được 04 viên nén trên, Lò Thị B cho 01 viên vào trong lọ nhựa, 03 viên còn lại đang cầm trên tay phải. Đến 09 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ

công tác công an huyện Điện Biên thu giữ 03 viên nén, và khám xét thu giữ tiếp 01 viên nén.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận: Số viên nén màu hồng, xanh thu giữ là của bị cáo Lò Thị B. Cân xác định khối lượng được 0,46 gam.

Tại bản kết luận giám định số: 87/GĐ-PC 09, ngày 24/11/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: mẫu vật thu giữ của bị cáo Lò Thị Biên gửi đến giám định: là chất ma túy loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Lò Thị B là 0,46 gam. Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm lời khai nhận tội của bị cáo đúng như bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, bị cáo công nhận hành vi phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bị oan sai.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lò Thị Biên về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn chính xác.

Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51/BLHS xử phạt bị cáo Lò Thị B 01 năm 04 tháng tù là có căn cứ.

Bởi lẽ tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện, bị cáo không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, nên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lò Thị B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Tại thời điểm xét xử, bị cáo đã đủ 70 tuổi. Hiện bị cáo sức khỏe yếu, đi lại khó khăn, thường xuyên nằm viện điều trị bệnh người già, huyết áp cao, không có khả năng tự chăm sóc bản thân, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS. Bị cáo là người già phạm tội lần đầu, ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa bị xét xử về tội danh nào khác và có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét phúc thẩm cần xem xét áp dụng điều 65/ BLHS chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, như kết luận của Kiểm sát viên và lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ chấp nhận.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Lò Thị B theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét về hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, người bào chữa cho bị cáo đều không có khiếu nại gì về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, quy định về án phí, Lệ phí Tòa án bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số:19/2019/HSST ngày 28/2/2019 của Tòa án nhân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên như sau:

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 249, điểm o, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

1.1. Tuyên bố: bị cáo Lò Thị B phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

1.2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Thị B 16 (mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 32 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (25/4/2019). Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo Lò Thị B có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát giáo dục trong thời gian bị cáo chấp hành án.

Trong thời gian thử thách nếu Lò Thị B cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Lò Thị B phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian thử thách, bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc thực hiện thay đổi nơi cư trú thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác trong Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25/4/2019).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- TAND huyện Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phòng Hành chính - Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên ;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Hằng